

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS -ST

Ngày 23/6/2020

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản,
khôi phục lại hiện trạng tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, khôi phục lại hiện trạng tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vi Văn T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970; nơi cư trú tại: Thôn B, xã L huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Bà Vi Thị Đ, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ông Vi Văn T1, sinh năm 1969; ông Vi Văn Đ, sinh năm 1971; anh Vi Văn H, anh Vi Văn P, cùng nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Bà Vi Thị H; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Anh Vi Văn G, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt

6. Bà Vy Thị H1, sinh năm 1975, anh Vi Văn T2, sinh năm 1999, anh Vi Văn T3, sinh năm 2001 cùng nơi cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Người đại diện theo ủy quyền cho bà Vy Thị H1, anh Vi Văn T2, anh Vi Văn T3 là ông Vi Văn T, cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt (văn bản ủy quyền ngày 10-02-2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02-12-2019, 06-01-2020 và những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Vi Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Hoàng Thị N, tổng diện tích là diện tích 230,1m² thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 79, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất có 01 bụi chuối, 01 cây hồng, sân bê tông làm do nguyên đơn trồng và làm sân. Thửa đất số 293, tờ bản đồ số 79 địa chỉ tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là do mẹ ông là bà Vi Thị Đ tự khai phá khoảng năm 1985, 1986, sau khi khai phá mẹ ông vẫn quản lý sử dụng đất, năm 2001 mẹ ông chia cho ông không lập văn bản gì chỉ nói bằng miệng, 05 anh em trong nhà đồng ý, không có ý kiến gì, cũng trong năm 2001 ông đã xây một ngôi nhà cấp 4 bằng gạch ba banh và công trình phụ, trồng cây ăn quả, ông sử dụng ổn định không xảy ra tranh chấp, năm 2013 được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Văn T. Năm 2018, Nhà nước có dự án mở rộng tuyến đường xã X - xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất của ông bị thu hồi một phần, ông được Nhà nước đền bù thiệt hại, ông là người rục tiếp nhận tiền đền bù bà Hoàng Thị N, ông Vi Văn T1 đều biết nhưng không có ý kiến gì, đến năm 2019 bà Hoàng Thị N mới tranh chấp. Nay ông Vi Văn T yêu cầu được quyền quản lý sử dụng 230,1m² đất và toàn bộ tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 79, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đối với cây hồng, bụi chuối bị phá hoại, sân bê tông bị phá hỏng một phần nay ông Vi Văn T không yêu cầu bà Hoàng Thị N phải bồi thường. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tổng số tiền là 16.195.000đ (mười sáu triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) ông Vi Văn T yêu cầu giải quyết theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-3-2000, bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày: Đất đang tranh chấp do chồng bà ông Vi Văn T1 tự khai phá từ khoảng năm 1989, từ khi khai phá đất vợ chồng bà quản lý, sử dụng trồng hoa màu được khoảng 5 năm, sau đó khoảng năm 1994 chồng bà bán một phần thửa đất cho ông Hoàng Văn M người cùng thôn, từ năm 1995 đến năm 2000 vợ chồng bà quản lý trồng hoa màu, năm 2001 ông Vi Văn T tự ý ra làm nhà tại thửa đất không hỏi vợ chồng bà nhưng vì anh em ruột trong nhà nên vợ chồng bà không

có ý kiến gì. Nay bà yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp, phần đất mà ông Vi Văn T đã xây nhà thì để cho ông Vi Văn T quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-02-2020 và tại phiên tòa bà Vi Thị Đ trình bày: Bà sinh được 05 người con là Vi Văn T1, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Thị H, Vi Văn G. Năm 1976 chồng bà chết, khoảng năm 1983 bà đã tự khai phá một thửa đất tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để làm vườn, nay là thửa đất số 293, tờ bản đồ số 79, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010, diện tích 567,8 m², năm 1999 bà cho con trai Vi Văn T1 con dâu là bà Hoàng Thị N thửa đất tranh chấp làm nhà nhưng con trai, con dâu bà không lấy mà lấy mảnh đất khác để làm nhà. Năm 2001 bà cho con Vi Văn T ra thửa đất tranh chấp làm nhà, bà chỉ nói bằng miệng không lập văn bản gì nhưng các con bà đều biết và đồng ý không có ý kiến gì, bà chia đều cho 04 người con trai con mỗi một phần đất để làm nhà ở ổn định, con gái Vi Thị H đi lấy chồng bà không chia. Khi được giao đất con Vi Văn T đã xây một ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ, trồng cây ăn quả, sử dụng đất ổn định không xảy ra tranh chấp và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013, đến năm 2019 mới xảy ra tranh chấp với con dâu là bà Hoàng Thị N.

Tại bản khai ngày 11-02-2020, ông Vi Văn Đ, bà Vi Thị H trình bày: Khoảng năm 1983 mẹ là bà Vi Thị Đ khai phá đất đồi làm vườn, sau đó anh trai Vi Văn T1 đã chuyển nhượng cho người khác hơn một nửa thửa đất nhưng không nói với mẹ là bà Vi Thị Đ, năm 1999 mẹ bảo vợ chồng anh Vi Văn T1 ra thửa đất đó để làm nhà nhưng vợ chồng anh Vi Văn T1 không ra làm mà làm nhà ở cạnh nhà mẹ ở đến nay. Năm 2001 mẹ đã chia thửa đất này cho anh Vi Văn T quản lý, sử dụng 05 anh em đều nhất trí, không ai có ý kiến gì, từ khi chia cho anh Vi Văn T quản lý và sử dụng ổn định đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013, đến năm 2019 thì chị Hoàng Thị N vợ anh Vi Văn T1 mới nảy sinh ý định tranh chấp.

Tại bản ngày 30-3-2020, Vi Văn T1 trình bày: Thửa đất này ông tự khai phá khoảng năm 1989, ông không nhớ chính xác, diện tích khoảng 03 sào, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã Đ huyện L, tỉnh Lạng Sơn, từ khi khai phá gia đình ông trồng hoa màu, trồng cây vùng, cây đỗ khoảng 5 năm, sau đó ông chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông Hoàng Văn M, trú tại thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và cho em trai Vi Văn G một nền nhà, năm 1996 đến năm 2000 vợ chồng ông vẫn quản lý sử dụng, đến năm 2001 ông Vi Văn T tự ý đến thửa đất đó làm nhà không hỏi ý kiến vợ chồng ông, nhưng là anh em trong nhà nên ông cũng không có ý kiến gì. Nay ông yêu cầu được quản lý sử dụng một nửa diện tích đất đang tranh chấp, còn phần đất ông Vi Văn T đã làm nhà thì ông Vi Văn T quản lý, sử dụng.

Bản khai ngày 13-5-2020 ông Vi Văn G trình bày: Thửa đất này là do ông Vi Văn T1 tự khai phá khoảng năm 1990, sau khi khai phá ông Vi Văn T1 và bà

Hoàng Thị N quản lý, sử dụng không xảy ra tranh chấp với ai, do anh em ở chung cùng mẹ rất bất tiện nên ông Vi Văn T1 bảo ông cùng ông Vi Văn T ra thửa đất tranh chấp làm nhà cho mỗi người một nền nhà, ông Vi Văn T đã xây một ngôi nhà cấp 4 khoảng năm 2001, ông xây nhà năm 2003, sau khi xây nhà xong ông và ông Vi Văn T đã kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông xác định đất tranh chấp này không liên quan gì đến ông.

Tại bản tự khai ngày 06- 02-2020, của bà Vy Thị H1: Năm 2001 vợ chồng bà được mẹ chồng và anh em nhà chồng chia cho thửa đất đang tranh chấp làm nhà ở, vợ chồng bà xây dựng một ngôi nhà cấp 4 khoảng 36m² làm sân bê tông và trồng cây ăn quả, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2013 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2019 xảy ra tranh chấp với bà Hoàng Thị N là chị dâu cả. Nay bà yêu cầu được quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp và đồng ý với chồng không yêu cầu bà Hoàng Thị N bồi thường thiệt hại về tài sản và khôi phục lại tài sản bị thiệt hại.

Tại bản tự khai ngày 05-02-2020 anh Vi Văn T2, anh Vi Văn T3 trình bày đồng ý với quan điểm của bố mẹ không có ý kiến gì.

Đối với anh Vi Văn H, Vi Văn P quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt theo giấy triệu tập và cũng không có lý do.

Tại bản khai ngày 29-5-2020, ông Hoàng Văn M tại trình bày: Năm 1994, ông mua một phần đất với ông Vi Văn T1 ở thôn B xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn khi mua không đo đạc diện tích mà chỉ ranh giới sau đó đào rãnh để phân biệt ranh giới đất mình mua, khi ông mua đất với ông Vi Văn T1 thì cả gia đình ông Vi Văn T1 đều sống chung với mẹ là bà Vi Thị Đ, việc ông Vi Văn T1 chuyển nhượng đất cho ông bà Vi Thị Đ và anh em trong nhà biết hay không thì ông không biết, từ khi mua không có ai tranh chấp và ông đã kê khai và được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình thu thập chứng cứ và đến thời điểm xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật. Đối với bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đất đang tranh chấp là do bà Vi Thị Đ khai phá, sử dụng ổn định, bà có 04 người con trai và 01 người con gái. Năm 1999 bà Vi Thị Đ cho vợ chồng ông Vi Văn T1 làm nhà tại thửa đất 293, tờ bản đồ 79 bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn làm nhà (nay là thửa đất đang tranh chấp) nhưng vợ chồng ông Vi Văn T1 không đồng ý và làm nhà gần nhà của bà đang ở. Năm 2001 bà Vi Thị Đ cho ông Vi Văn T thửa đất đang tranh chấp làm nhà bà chỉ nói bằng miệng nhưng anh em trong nhà ai cũng đồng ý không có ý kiến, ông Vi Văn T xây nhà cấp 4, làm sân bê tông và trồng cây ăn quả, ông Vi Văn T sử dụng ổn định không có tranh chấp, năm 2013 ông được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Năm 2018, Nhà nước có chủ trương mở rộng đường xã X - xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thửa đất của ông Vi Văn T bị thu hồi một phần diện tích đất, quyết định thu hồi đất và nhận tiền đền bù đều đứng tên ông Vi Văn T, anh em trong nhà không ai có ý kiến gì. Từ các chứng cứ nêu trên việc ông Vi Văn T yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng thửa đất trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại và khôi phục lại hiện trạng ban đầu, ngày 29-5-2020 ông Vi Văn T có đơn xin rút yêu cầu, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết. Về chi phí thẩm định, định giá giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Hoàng Thị N, ông Vi Văn T1, anh Vi Văn H, Vi Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn Đ, ông Vi Văn G, ông Hoàng Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Vy Thị H1, anh Vi Văn T2, anh Vi Văn T3 có văn bản ủy quyền cho ông Vi Văn T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Đất đang tranh chấp thuộc địa danh, thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn diện tích đất là 230,1m² thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 79, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010. Có các điểm như sau: Phía Bắc giáp một phần thửa đất 293 (ông Vi Văn T); phía Tây giáp đường tỉnh lộ 248 (đường 237cũ) là A8 đến A11 là 10,3m; phía Nam giáp đất ông Vi Văn G các điểm từ A11 đến A10 là 8,8m + 6,8m + 4,9m + 4,7m; phía Đông giáp đất Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn từ A10 đến A9 là 5,6m, tổng diện tích đất tranh chấp là 230,1m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Vi Văn T, bà Vy Thị H1, trên đất có một bụi chuối, một cây hồng, sân bê tông, diện tích sân bê tông bị phá là từ A1 đến A2 là 3,4m, từ A2 đến A4 là 3,7m, từ A4 đến A5 là 4,0m, từ A1 đến A5 là 4,5m, (tổng diện tích sân bê tông bị phá là 14,3m² + 4,8), đất đang tranh chấp hiện trạng là đất ở nông thôn, thửa đất số 293, tờ bản đồ 79, bản đồ xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR 914556, sổ sổ CN: CH 04556 ngày 11-12-2013 cho hộ ông Vi Văn T bà Vy Thị H1.

[3] Xét thấy: Diện tích 230,1m² đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ số 79, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010 là do bà Vi Thị Đ tự khai phá khoảng năm 1985, 1986. Năm 2001 bà Vi Thị Đ chia đất cho ông Vi Văn T để làm nhà không lập văn bản chỉ nói bằng miệng, nhưng 05 anh em trong nhà đồng ý, không có ý kiến gì, ông Vi Văn T xây một ngôi nhà cấp 4 bằng gạch ba banh và công trình phụ, trồng cây ăn quả, ông Vi Văn T sử dụng ổn định không có tranh chấp, ông Vi Văn T đã kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Văn T. Năm 2018, Nhà nước có dự án mở rộng tuyến đường xã X - xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất của ông Vi Văn T bị thu hồi một phần đất,

quá trình thực hiện việc giải phóng mặt bằng và quyết định đền bù, nhận tiền đền bù là tên ông Vi Văn T, anh em trong gia đình và vợ chồng ông Vi Văn T1 bà Hoàng Thị N không có ý kiến gì.

[4] Các đương sự đều thừa nhận diện tích 230,1m² đất đang tranh chấp do bà Vi Thị Đ khai phá đất đồi khoảng năm 1983 và trồng hoa màu, năm 1999 bà Vi Thị Đ cho ông Vi Văn T1 là con trai cả ra thửa đang tranh chấp làm nhà nhưng ông Vi Văn T1 không làm mà làm nhà ở mảnh đất khác, đến năm 2001 bà Vi Thị Đ chia cho ông Vi Văn T thửa đất đang tranh chấp làm nhà, anh em trong nhà đồng ý không có ý kiến gì, ông Vi Văn T xây nhà cấp 4, trồng cây ăn quả sử dụng ổn định không có tranh chấp, ngày 11-12-2013 Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Văn T bà Vy Thị H1 số BR 914556, số sổ CN: CH 04556.

[5] Bà Hoàng Thị N cho rằng đất đang tranh chấp là của chồng bà khai phá từ khoảng năm 1989 là không có căn cứ. Bởi vì: Năm 1999 vợ chồng có ý định làm nhà ra ở riêng mẹ chồng bà đã cho vợ chồng bà mảnh đất đang tranh chấp để vợ chồng bà làm nhà nhưng vợ chồng bà không ra đó làm nhà mà làm nhà ở mảnh đất gần nhà mẹ chồng (nay là nhà vợ chồng bà và các con đang ở), sau đó mẹ chồng bà đã cho ông Vi Văn T là em trai chồng bà thửa đất trên làm nhà, khi cho cả gia đình chồng bà trong đó cả vợ chồng bà đồng ý không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh thực địa ngày 23- 4-2019 ông Vi Văn T1 chồng bà khẳng định thửa đất này đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vi Văn T là em trai ông nên ông không có tranh chấp, vì trước đây thửa đất này mẹ ông bà Vi Thị Đ đã cho vợ chồng ông một phần thửa đất nhưng ông Vi Văn T1 chồng bà đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn M từ năm 1994, (tại biên bản hòa giải ở xã). Năm 2018, Nhà nước có dự án mở rộng tuyến đường xã X - xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thửa đất số 293, tờ bản đồ 79 bị thu hồi một phần đất diện tích. Quá trình thực hiện việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, quyết định đền bù được thực hiện niêm yết công khai vợ chồng bà biết và khi ông Vi Văn T nhận tiền đền bù đất vợ chồng bà biết nhưng không có ý kiến gì về số tiền đền bù đất bị thu hồi. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 29-4-2020 của Công ty trắc địa bản đồ môi trường S - Chi nhánh Lạng Sơn đo đạc. Hệ tọa độ VN 2000. Kết quả đất đang tranh chấp nằm một phần trong thửa đất số 293, tờ bản đồ 79 bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Văn T bà Vy Thị H1 ngày 11-12-2013. Do vậy việc bà Hoàng Thị N yêu cầu quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị Đ, ông Vi Văn Đ, bà Vi Thị H, bà Vy Thị H1, anh Vi Văn T2, anh Vi Văn T3 đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông Vi Văn T không có ý kiến gì.

[7] Ông Vi Văn T1, Vi Văn P, Vi Văn H đồng ý với ý kiến của bị đơn.

[8] Tại biên bản xem xét thẩm định tại và định giá tại chỗ đất tranh chấp ngày 29-4-2020 tại thửa đất số 293, tờ bản đồ 79 bản đồ địa chính xã Đ năm

2010, tỷ lệ đo 1:500 tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn diện tích đất tranh chấp là 230,1m², trên đất có 01 cây hồng đường kính từ 20 đến 25cm, 01 bụi chuối, sân bê tông đổ năm 2002 diện tích là 56m² trong đó diện tích bị phá hỏng là 14,3m² + 4,8m. Tuy nhiên cây hồng, bụi chuối ông Vi Văn T không yêu cầu định giá.

[9] Đối với việc ông Vi Văn T yêu cầu bà Hoàng Thị N phải bồi thường thiệt hại về tài sản (cây hồng bị phá hoại, sân bê tông bị phá hỏng) và yêu cầu khôi phục lại hiện trạng như ban đầu. Tuy nhiên ngày 29-5-2020 ông Vi Văn T có đơn xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và khôi phục lại hiện trạng như ban. Xét thấy việc ông Vi Văn T có đơn xin rút yêu cầu (sân bê tông bị phá hỏng, cây hồng bị phá hoại) là hoàn toàn tự nguyện do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và khôi phục lại hiện trạng như ban đầu.

[10] Luật đất đai năm 2013 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền quản lý sử dụng đất theo quy định của Luật này (Điều 4). Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp về đất đai của mình (Điều 166)

[11] Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định: Diện tích 230,1m² trên đất có sân bê tông, cây hồng, bụi chuối thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ 79 bản đồ địa chính xã Đ huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010 đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Vi Văn T. Nên yêu cầu của ông Vi Văn T đưa ra có căn cứ được chấp nhận.

[12] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[13] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất). Trong quá trình giải quyết vụ án ông Vi Văn T đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền là 16.195.000 đồng bao gồm: Ngày 20-4-2020 chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản 1.400.000 đồng; ngày 29-4-2020 chi đo đạc, trích đo địa chính khu đất 11.995.000 đồng, chi thẩm định, định giá tài sản là 2.800.000 đồng, tổng cộng là 16.195.000 đồng. Tuy nhiên sau khi xem xét thẩm định ngày 29-5-2020 ông Vi Văn T có đơn xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và khôi phục lại hiện trạng như ban đầu, do vậy ông Vi Văn T phải chịu 1/3 chi phí thẩm định, định giá là 5.400.000 đồng, bà Hoàng Thị N phải chịu 10.795.000 đồng chi phí thẩm định, định giá theo quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Số tiền này ông Vi Văn T đã nộp tạm ứng trước, nay bà Hoàng Thị N phải trả số tiền 10.795.000 đồng (mười triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cho ông Vi Văn T.

[14] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm d Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 3/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp ngân sách quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05693 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn phải chịu 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử, xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định.

[15] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4, 12, 100, 105, 166, 203 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ Điều 158, 166, 189, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 271; khoản 1 và khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d Điều 12; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH 14 ngày 3/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn T

1.1. Hộ ông Vi Văn T được quản lý, sử dụng diện tích đất 230,1m² và toàn bộ tài sản trên đất (cây hồng, bụi chuối, sân bê tông) thuộc một phần thửa đất số 293, tờ bản đồ 79, bản đồ địa chính xã Đ 2010 là đất ở nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: đất BR 914556, số sổ CN: CH 04556, ngày 11-12-2013 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Vi Văn T bà Vy Thị H1.

Có các điểm như sau:

Phía Đông giáp đất Ủy ban nhân dân xã Đ từ A10 đến A9 là 5,6m;

Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 248 (đường 237 cũ) là A8 đến A11 là 10,3m;

Phía Nam giáp đất ông Vi Văn G các điểm từ A11 đến A10 là 8,8m + 6,8m + 4,9m + 4,7m;

Phía Bắc giáp một phần thửa đất 293 của ông Vi Văn T (Có bản sơ họa kèm theo).

1.2. Bà Hoàng Thị N chấm dứt ngay hành vi tranh chấp 230,1m² đất tại thửa đất số 293, tờ bản đồ 79, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và chi phí khác.

Bà Hoàng Thị N phải trả cho ông Vi Văn T số tiền 10.795.000 đồng (mười triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và các chi phí tố tụng khác.

4. Nghĩa vụ chậm trả

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí

Bà Hoàng Thị N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho ông Vi Văn T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05693 ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h L,t Lạng Sơn;
- Các đương sự
- NCQLNVLQ
- Lưu Hs vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Hoàng Thị Ngọc